

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



5 4 2 2 3 2 4 2 4 0 3 4 0 4 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Ông: Nguyễn Nhất Linh. Sinh năm: 1984. Số CCCD: 054084001445.

Địa chỉ thường trú: Thôn Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa,
tỉnh Phú Yên.

DR 038689

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thừa đất:

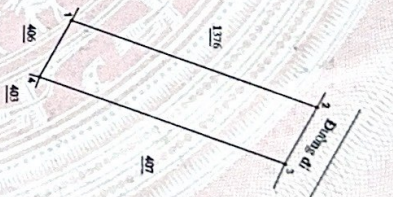
- a) Thừa đất số: 1377, Tờ bản đồ số: 20.
- b) Địa chỉ thừa đất: Thôn Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.
- c) Diện tích: 313,4 m² (Ba trăm mười ba phẩy bốn mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 313,4 m²
- đ) Mục đích sử dụng:
- + Đất ở tại nông thôn: 60,0 m²
 - + Đất trồng cây hàng năm khác: 253,4 m²
- e) Thời hạn sử dụng:
- + Đất ở tại nông thôn: Lâu dài.
 - + Đất trồng cây hàng năm khác diện tích 0,7 m²: Đến ngày 01 tháng 7 năm 2064.
 - + Đất trồng cây hàng năm khác diện tích 252,7 m²: Đến ngày 01 tháng 10 năm 2064.
- g) Nguồn gốc sử dụng:
- + Công nhận QSDD như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 60,0 m²
 - + Công nhận QSDD như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 0,7 m²
 - + Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất: 252,7 m²
2. Nhà ở: -/-
3. Công trình xây dựng khác: -/-
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
5. Cây lâu năm: -/-
6. Ghi chú: -/-

Phú Hòa, ngày 31 tháng 06 năm 2024
CHI NHẠNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN PHÚ HÒA
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN PHÚ HÒA
CHI NHẠNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN PHÚ HÒA
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Quang

Số vào sổ cấp GCN: CN.0603.8.....

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:



Số thửa	Tọa độ VN-2000		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1441679.60	580069.97	35.28
2	1441712.92	580081.57	9.00
3	1441708.60	580089.48	35.26
4	1441675.30	580077.88	9.00
1	1441679.60	580069.97	

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận:	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền